

Số: 47/2023/QĐST-HNGĐ

Yên Mô, ngày 25 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Xóm K, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T ngày 17 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 17 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thủy T2, sinh ngày 23/10/2020 cho chị Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Thủy T2 thành niên. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng con cùng chị M mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu Trần Thị Thủy T2 thành niên đủ 18 tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy

định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Văn T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2 Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị Nguyễn Thị M phải nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006490 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa